

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HS-ST

Ngày: 19/12/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hứa Đình Hiên
2. Ông Trần Công Luân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Phùng Thị Thêu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2022/HSST ngày 01/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST - HS ngày 18 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/HSST- QĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân Ch (tên gọi khác: Không), sinh ngày 20 tháng 4 năm 1986 tại tỉnh B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ N, phường H, thành phố B1, tỉnh B; chỗ ở: Thôn N1, xã D, thành phố B, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân L và bà Ngô Thị Nh; có vợ thứ nhất: Đàm Thị Nh1 (đã ly hôn), vợ thứ hai: Hà Thị M và có 02 con (con lớn sinh năm 2010; con nhỏ sinh năm 2014); tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

*** Bị hại:** 1. Chị Đặng Thúy Qu, sinh năm: 1986; trú tại: Tổ 14, phường S, thành phố B1, tỉnh B. Vắng mặt.

2. Anh Nông Văn H, sinh năm 1985; trú tại: Tổ 14, phường S, thành phố B, tỉnh B.

Người đại theo ủy quyền: Chị Đặng Thúy Qu, sinh năm: 1986; trú tại: Tổ 14, phường S, thành phố B1, tỉnh B. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Phạm Văn T - sinh năm 1988; trú tại: Xóm B, xã C, huyện Ph, tỉnh Th. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Đại Ngh - sinh năm 1989; trú tại: Thôn Ng, xã Đ, huyện L, tỉnh H. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Ngọc Th - sinh năm 1995; trú tại: Thôn H, xã L, huyện T, tỉnh B2. Vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn B3 - sinh năm: 1985; trú tại: Thôn Th, xã B, huyện T, tỉnh H. Vắng mặt.

* **Người làm chứng:** Ông Bé Ngọc T, sinh năm 1983. Trú tại: Tổ 14, phường S, thành phố B1, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước, nên khoảng 08 giờ ngày 08/02/2022, Nguyễn Xuân Ch gọi điện thoại cho anh Nông Văn H hỏi mượn chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI GET, màu sơn bạc, biển kiểm soát 11A - 050.xx của anh H, chị Qu để đi tỉnh Th có việc cá nhân và hẹn 02 (hai) ngày sau sẽ trả thì được anh H đồng ý cho mượn. Anh H bảo Ch gọi điện thoại cho chị Đặng Thúy Qu là vợ của anh H để lấy xe thì được chị Qu hẹn Ch đến nhà lấy. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Ch đi đến ngõ 76, đường Nguyễn Văn T thuộc tổ 14, phường S, thành phố B, tỉnh B gặp chị Qu để nhận xe. Tại đây, chị Qu đã giao cho Ch xe, chìa khóa xe và bản gốc sổ đăng kiểm xe, bảo hiểm trách nhiệm dân sự và bản sao giấy đăng ký của xe. Sau khi nhận xe, Ch điều khiển xe đi theo hướng đến tỉnh Th để giải quyết công việc. Sau khi giải quyết xong, do thời gian này bản thân Ch cần tiền để tiêu xài cá nhân và trả nợ nên Ch đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mượn của anh H, chị Qu. Thực hiện ý định của mình, Ch đã gọi điện thoại cho anh H và nói dối là đang bị Cảnh sát giao thông xử lý về lỗi vi phạm tốc độ nên cần lấy giấy đăng ký xe bản gốc để giải quyết. Anh H tin tưởng nên đã chỉ chỗ cất giấy đăng ký xe bản gốc để trên xe ô tô cho Ch biết. Khi có được giấy đăng ký xe ô tô bản gốc, Ch điều khiển xe đi quanh khu vực huyện Ph, tỉnh Th để tìm chỗ bán xe và đã đến một Gara ô tô nói chiếc xe là của mình và muốn bán thì được giới thiệu Phạm Văn T là chủ Gara T, địa chỉ tại xóm B, xã C, huyện Ph nhất trí mua, sau khi trao đổi thỏa thuận anh T đã mua chiếc xe với 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng). Số tiền bán xe Ch đã sử dụng hết vào việc đánh bạc rồi đi về nhà. Đến hẹn trả xe ngày 10/02/2022, Ch nhắn tin thông báo cho anh H biết về việc mình đã bán chiếc xe ô tô và tiêu xài hết số tiền bán xe. Sau nhiều lần làm việc và biết Ch không có khả năng trả lại chiếc xe, nên anh H và chị Qu đã đến Công an thành phố B1 trình báo sự việc.

Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 11A - 050.xx, sau khi mua của Ch thì ngày 09/02/2022 anh T đã bán lại cho anh Nguyễn Đại Ngh với số tiền

113.000.000đ (Một trăm mười ba triệu đồng). Ngày 15/10/2022, anh Ngh đã bán lại cho anh Nguyễn Ngọc Th với số tiền 114.000.000đ (Một trăm mười bốn triệu đồng). Ngày 16/10/2022, anh Th tiếp tục bán lại chiếc xe cho anh Nguyễn Văn B3 với số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng). Sau khi mua được xe anh B3 đã giao bán chiếc xe trên trên mạng xã hội Facebook thì chị Qu, anh H phát hiện và trình báo đến Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn. Ngày 23/10/2022, anh B3 đã tự nguyện giao nộp xe cùng giấy tờ xe cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố B1.

Tại kết luận định giá tài sản số 32 ngày 01/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố B1 kết luận: 01 (một) xe ô tô, nhãn hiệu HUYNDAI GET, màu sơn bạc, sản xuất năm 2009, biển kiểm soát 11A - 050.xx, xe cũ đã qua sử dụng, trị giá tài sản là 135.000.000đ (Một trăm ba mươi năm triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 62/CT-VKS ngày 29/10/202 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Nguyễn Xuân Ch về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a, ...

b, ...

c, Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 24 đến 36 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 122, 131, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Xuân Ch phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Phạm Văn T số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng). Anh Phạm Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Đại Ngh số tiền 113.000.000đ (một trăm mười ba triệu đồng). Anh Nguyễn Đại Ngh phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc Th số tiền 114.000.000đ (một trăm mười bốn triệu đồng). Anh Nguyễn Ngọc Th phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Văn B3 số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng).

Về án phí: Tiền án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo thống nhất với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Ngày 08/02/2022, tại tổ 14, phường S, thành phố B1, tỉnh B, Nguyễn Xuân Ch đã có hành vi mượn chiếc xe ô tô biển kiểm soát 11A - 050.xx trị giá 135.000.000 đồng của anh Nông Văn H và chị Đặng Thúy Qu để sử dụng vào việc cá nhân. Sau khi mượn được xe, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Ch nảy sinh ý định bán chiếc xe và đã có hành vi gian dối, mang bán chiếc xe cho anh Phạm Văn T được số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) và đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên, sau đó không có khả năng trả lại xe cho anh Nông Văn H và chị Đặng Thúy Qu.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền sự, tiền án. Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, có bố để được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

* Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung "Phạt tiền" đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại đã nhận lại chiếc xe ô tô. Tại phiên tòa vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn T, Nguyễn Đại Ngh, Nguyễn Ngọc Th, Nguyễn Văn B3 đều có đề nghị được bồi thường số tiền đã bỏ ra khi mua chiếc xe ô tô và sẽ có trách nhiệm trả lại số tiền đã nhận của người mua xe, cụ thể:

Anh Phạm Văn T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) anh đã bỏ ra để mua chiếc xe. Tại phiên tòa vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Bị cáo nhất trí bồi thường số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) cho anh T nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận trên.

Anh Nguyễn Đại Ngh yêu cầu anh Phạm Văn T phải bồi thường số tiền 113.000.000đ (một trăm mười ba triệu đồng) anh đã bỏ ra để mua chiếc xe. Tại phiên tòa vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu. Anh T nhất trí bồi thường số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) cho anh Ngh nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận trên.

Anh Nguyễn Ngọc Thanh yêu cầu anh Nguyễn Đại Ngh phải bồi thường số tiền 114.000.000đ (một trăm mười bốn triệu đồng) anh đã bỏ ra để mua chiếc xe. Tại phiên tòa vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu.

Anh Ngh nhất trí bồi thường số tiền 114.000.000đ (một trăm mười bốn triệu đồng) cho anh Th nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận trên.

Anh Nguyễn Văn B3 yêu cầu anh Nguyễn Ngọc Th phải bồi thường số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) anh đã bỏ ra để mua chiếc xe. Tại phiên tòa vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu. Anh Th nhất trí bồi thường số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) cho anh B3 nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận trên.

* Các vấn đề khác:

Về vật chứng: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI GET, biển kiểm soát 11A - 050.xx cùng chìa khóa xe và giấy tờ xe, sau khi tạm giữ ngày 29/10/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã trả lại cho bị hại là đúng quy định của pháp luật. Đối với chiếc điện thoại di động bị cáo sử dụng để liên lạc trong quá trình phạm tội, sau khi phạm tội bị cáo đã bán cho một người không quen biết nên cơ quan điều tra không thu thập được.

Đối với anh Phạm Văn T là người trực tiếp mua xe với Nguyễn Xuân Ch, anh Nguyễn Đại Ngh là người mua lại chiếc xe với anh Phạm Văn T, anh Nguyễn Ngọc Th là người mua lại chiếc xe ô tô với anh Nguyễn Đại Ngh, anh Nguyễn Văn B3 là người mua lại chiếc xe ô tô với anh Nguyễn Ngọc Th. Qua điều tra xác định những người trên khi mua xe đều không biết là tài sản do bị cáo mượn của người khác rồi mang đi bán nên không xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự.

* Ngoài ra, Nguyễn Xuân Ch khai đã sử dụng 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) để đánh bạc trên mạng internet. Tuy nhiên, do Ch không còn nhớ trang mạng và tài khoản đã tham gia đánh bạc nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, xử lý.

* Về án phí: Tiền án phí hình sự, **dân sự** theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Ch phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

* Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Ch 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 122, 131, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Xuân Ch phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Phạm Văn Tuyên số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng).

Anh Phạm Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Đại Ngh số tiền 113.000.000đ (một trăm mười ba triệu đồng).

Anh Nguyễn Đại Ngh phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc Th số tiền 114.000.000đ (một trăm mười bốn triệu đồng).

Anh Nguyễn Ngọc Th phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Văn B3 số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng).

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn T chịu 5.650.000đ (Năm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), anh Nguyễn Đại Ngh chịu 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), anh Nguyễn Ngọc Th chịu 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND thành phố;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Trần Thị Dương